

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 4 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Ân

2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hoá

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân L; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam T)

Tại phiên toà chị T và anh L vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân L kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/6/2017. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng mấy năm về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, năm 2021 anh L bị bắt vì tội cướp giật tài sản phải chấp hành án tù tại trại giam T. Nay, chị

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân L.

- Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung là Nguyễn Tuấn T, sinh ngày: 28/02/2012, Bùi Phương A, sinh ngày 19/5/2017 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 09/10/2020. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả ba con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân L đã có bản tự khai như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T ngày 14/6/2017. Vợ chồng chung sống hoà thuận không mâu thuẫn. Năm 2021 anh bị bắt vì tội cướp giật tài sản từ đó hai vợ chồng xa cách. Thời gian đầu chị T còn lên thăm anh, những năm gần đây thì không đến. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh L không đồng ý do xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh L muốn khi chấp hành án xong vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung là Nguyễn Tuấn T, sinh ngày: 28/02/2012, Bùi Phương A, sinh ngày 19/5/2017 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 09/10/2020. Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao cả ba con cho chị T nuôi dưỡng, sau khi chấp hành án xong anh sẽ đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con. Trường hợp chị T đi xuất khẩu lao động thì đề nghị Tòa án giao cả ba cháu cho bố mẹ anh L (ông Nguyễn Xuân D và bà Vũ Thị S) trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản: Anh Nguyễn Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn và bị đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân L.

Về con chung: Giao cả ba cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày: 28/02/2012, cháu Bùi Phương A, sinh ngày 19/5/2017; và cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 09/10/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với anh Nguyễn Xuân L. Anh L cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh L vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh L và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Xuân L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Xuân L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh L.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Xuân L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/6/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống. Đến nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân L.

[6]. Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Anh L cũng đồng ý giao cả ba con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy ý kiến của cháu T và cháu A, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu A có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy mặc dù cháu A có nguyện vọng được ở với bố nhưng hiện nay anh L đang chấp hành án tại tại giam T nên chưa đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con. Để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, tốt nhất, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, HĐXX xét thấy cần giao cả ba con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về tài sản: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân L
2. Về con chung: Giao cả ba con là Nguyễn Tuấn T, sinh ngày: 28/02/2012, Bùi Phương A, sinh ngày 19/5/2017; và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 09/10/2020 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh Nguyễn Xuân L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0003648 ngày 14/02/2025. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Xuân L. Chị T và anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cúc